



# NGÂN HÀNG TNHH MTV HONG LEONG VIỆT NAM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30/06/2024

### BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Số tham chiếu: 11776074/67849800

#### BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Kính gửi: Ngân hàng Hong Leong Berhad - Chủ sở hữu  
Hội đồng Thành viên của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 27 tháng 9 năm 2024 và được trình bày từ trang 2 đến trang 5, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tóm tắt tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam ("Ngân hàng"). Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đầy đủ này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 27 tháng 9 năm 2024. Báo cáo tài chính đầy đủ này và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

#### Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt, bao gồm bảng cân đối kế toán tóm tắt, báo cáo kết quả hoạt động tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt theo các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung ở Việt Nam.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán và phù hợp với các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung ở Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0764-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 9 năm 2024

Nguyễn Thị Quỳnh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4207-2022-004-1

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÓM TẮT

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

|                                                                | Số cuối năm<br>triệu đồng   | Số đầu năm<br>triệu đồng    |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <strong>TÀI SẢN</strong>                                       |                             |                             |
| Tiền mặt                                                       | 105.369                     | 185.480                     |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                       | 419.844                     | 356.928                     |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác                | 5.995.769                   | 5.203.742                   |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác  | 47                          | -                           |
| Cho vay khách hàng                                             | 11.321.715                  | 9.703.032                   |
| Cho vay khách hàng                                             | 11.414.726                  | 9.781.980                   |
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                             | (93.011)                    | (78.948)                    |
| Hoạt động mua nợ                                               | 2.091                       | 2.689                       |
| Mua nợ                                                         | 2.107                       | 2.709                       |
| Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ                               | (16)                        | (20)                        |
| Chứng khoán đầu tư                                             | 309.733                     | 316.136                     |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                        | 309.733                     | 316.136                     |
| <strong>Tài sản cố định</strong>                               | <strong>62.905</strong>     | <strong>60.693</strong>     |
| Tài sản cố định hữu hình                                       | 7.890                       | 5.783                       |
| Nguyên giá tài sản cố định                                     | 107.952                     | 103.909                     |
| Khấu hao tài sản cố định                                       | (100.062)                   | (98.126)                    |
| Tài sản cố định vô hình                                        | 55.015                      | 54.910                      |
| Nguyên giá tài sản cố định                                     | 183.162                     | 169.896                     |
| Hao mòn tài sản cố định                                        | (128.147)                   | (114.986)                   |
| <strong>Tài sản Có khác</strong>                               | <strong>128.667</strong>    | <strong>155.199</strong>    |
| Các khoản phải thu                                             | 30.682                      | 46.097                      |
| Các khoản lãi, phí phải thu                                    | 76.230                      | 95.894                      |
| Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại           | 6.817                       | 5.667                       |
| Tài sản Có khác                                                | 18.443                      | 10.580                      |
| Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác               | (3.505)                     | (3.039)                     |
| <strong>TỔNG TÀI SẢN</strong>                                  | <strong>18.346.140</strong> | <strong>15.983.899</strong> |
| <strong>NỢ PHẢI TRẢ</strong>                                   | <strong>3.197.303</strong>  | <strong>2.931.053</strong>  |
| Tiền gửi của các TCTD khác                                     | 11.150.352                  | 9.220.660                   |
| Tiền gửi của khách hàng                                        |                             |                             |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | -                           | 1                           |
| Các khoản nợ khác                                              | 313.101                     | 264.892                     |
| Các khoản lãi, phí phải trả                                    | 252.177                     | 215.805                     |
| Các khoản phải trả và công nợ khác                             | 60.924                      | 49.087                      |
| <strong>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</strong>                              | <strong>14.660.756</strong> | <strong>12.416.606</strong> |
| <strong>VỐN CHỦ SỞ HỮU</strong>                                | <strong>3.000.000</strong>  | <strong>3.000.000</strong>  |
| Vốn                                                            | 3.000.000                   | 3.000.000                   |
| Vốn điều lệ                                                    | 106.496                     | 88.782                      |
| Các quỹ dự trữ                                                 | 578.888                     | 478.511                     |
| Lợi nhuận chưa phân phối                                       | 3.685.384                   | 3.567.293                   |
| <strong>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</strong>                           | <strong>18.346.140</strong> | <strong>15.983.899</strong> |
| <strong>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</strong>            |                             |                             |

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

|                                           | Số cuối năm<br>triệu đồng | Số đầu năm<br>triệu đồng |
|-------------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra | 60.528                    | 47.597                   |
| - Cam kết giao dịch hối đoái              | 24.528                    | 17.363                   |
| - Cam kết mua ngoại tệ                    | 12.284                    | 8.677                    |
| - Cam kết bán ngoại tệ                    | 12.244                    | 8.686                    |
| - Cam kết trong nghiệp vụ L/C             | -                         | 1.740                    |
| - Bảo lãnh khác                           | 36.000                    | 28.494                   |
| Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 22.670                    | 20.111                   |
| Nợ khó đòi đã xử lý                       | 64.363                    | 60.885                   |

Người lập:

Bà Phan Nguyễn Minh Thủy  
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Khối Tài chính  
kiểm Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Ông Dương Đức Hùng  
Tổng Giám đốc

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÓM TẮT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B03/TCTD

|                                                                                | Năm nay<br>triệu đồng      | Năm trước<br>triệu đồng    |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự                                    | 1.016.185                  | 921.850                    |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự                                            | (566.688)                  | (522.266)                  |
| <strong>Thu nhập lãi thuần</strong>                                            | <strong>449.497</strong>   | <strong>399.584</strong>   |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                                                  | 9.095                      | 7.513                      |
| Chi phí hoạt động dịch vụ                                                      | (10.887)                   | (10.377)                   |
| <strong>Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</strong>                                 | <strong>(1.792)</strong>   | <strong>(2.864)</strong>   |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối                                    | 10.305                     | 10.728                     |
| Thu nhập từ hoạt động khác                                                     | 971                        | 257                        |
| <strong>Lãi thuần từ hoạt động khác</strong>                                   | <strong>971</strong>       | <strong>257</strong>       |
| <strong>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</strong>                                       | <strong>458.981</strong>   | <strong>407.705</strong>   |
| Chi phí cho nhân viên                                                          | (182.020)                  | (162.375)                  |
| Chi phí khấu hao                                                               | (15.097)                   | (17.504)                   |
| Chi phí hoạt động khác                                                         | (97.909)                   | (96.948)                   |
| <strong>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</strong>                                        | <strong>(295.026)</strong> | <strong>(276.827)</strong> |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 163.955                    | 130.878                    |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng                                               | (15.299)                   | (4.547)                    |
| <strong>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</strong>                                          | <strong>148.656</strong>   | <strong>126.331</strong>   |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành                          | (31.715)                   | (26.728)                   |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại                                                    | 1.150                      | 588                        |
| <strong>Tổng chi phí thuế TNDN</strong>                                        | <strong>(30.565)</strong>  | <strong>(26.140)</strong>  |
| <strong>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</strong>                                            | <strong>118.091</strong>   | <strong>100.191</strong>   |

Người lập:

Bà Phan Nguyễn Minh Thủy  
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Khối Tài chính  
kiểm Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Ông Dương Đức Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 9 năm 2024